

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In re the marriage/domestic partnership of:
Về việc hôn nhân/mối quan hệ bạn tình sống
chung của:

Petitioner (person who started this case):
Nguyên Đơn (người đã khởi đầu vụ án này):

And Respondent (other spouse/partner):
Và Bị Đơn (vợ hoặc chồng/bạn tình còn lại):

No. _____
Số _____

Motion for Immediate Restraining Order
(Ex Parte)
Kiến Nghị Xin Lệnh Cấm Ngay Lập Tức
(Một Bên)
(MTSC)
(MTSC)

Motion for Immediate Restraining Order (Ex Parte)
Kiến Nghị Xin Lệnh Cấm Ngay Lập Tức (Một Bên)

Use this form in marriage/domestic partnership cases only. For other cases, use FL Parentage 321 or FL Modify 621, depending on the type of case.

Sử dụng mẫu đơn này chỉ trong vụ án hôn nhân/mối quan hệ bạn tình sống chung. Đối với các vụ án khác, hãy sử dụng FL Quan hệ cha mẹ 321 hoặc FL Sửa đổi 621, tùy thuộc vào loại vụ án.

To both parties:
Gởi đến cả hai bên:

Deadline! Your papers must be filed and served by the deadline in your county's Local Court Rules, or by the State Court Rules if there is no local rule. Court Rules and forms are online at www.courts.wa.gov.

Hạn Cuối! Giấy tờ của quý vị phải được nộp và tổng đạt trước hạn cuối theo Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của Quận quý vị hoặc theo Quy Tắc Tòa Án Tiểu Bang nếu không có quy tắc địa phương. Quy Tắc Tòa Án và các mẫu đơn trực tuyến tại www.courts.wa.gov.

If you want the court to consider your side, you **must**:

Nếu quý vị muốn tòa án xem xét bên quý vị, quý vị **phải**:

- File your original documents with the Superior Court Clerk; AND
Nộp các tài liệu gốc của quý vị cho Lục Sự Tòa Thượng Thẩm; VÀ
- Give the Judge/Commissioner a copy of your papers (if required by your county's Local Court Rules); AND

Cung cấp cho Thẩm Phán/Ủy Viên một bản sao giấy tờ của quý vị (nếu được yêu cầu theo Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị); VÀ

- Have a copy of your papers served on all other parties or their lawyers; AND
Gửi một bản sao giấy tờ của quý vị cho tất cả các bên còn lại hoặc luật sư của họ; VÀ
- Go to the hearing.
Đi đến phiên xét xử.

The court may not allow you to testify at the motion hearing. Read your county's Local Court Rules, if any.
Tòa án có thể không cho phép quý vị làm chứng tại phiên xét xử kiến nghị. Đọc Quy Tắc Tòa Án Địa Phương của quận quý vị, nếu có.

Bring proposed orders to the hearing.
Mang các lệnh được đề xuất đến phiên xét xử.

To the person filing this motion:

Gửi đến người đang nộp đơn kiến nghị này:

You must ask the court to sign the *Immediate Restraining Order (Ex Parte) and Hearing Notice* (FL Divorce 222). This Order may be signed "ex parte" (without the other party there). Contact the Superior Court Clerk's office for the procedure in your county. You must have this *Motion* and the *Immediate Restraining Order* personally served (by someone else) on the other party.

Quý vị phải yêu cầu tòa án ký vào *Lệnh Cấm Ngay Lập Tức (Một Bên) và Thông Báo Phiên Xét Xử (FL Ly hôn 222)*. Lệnh này có thể được "một bên" ký (không có bên còn lại ở đó). Liên hệ với văn phòng Lục Sự Tòa Thượng Thẩm để biết thủ tục ở quận quý vị. Quý vị phải tự mình tổng đạt Kiến Nghị này và Lệnh Cấm Ngay Lập Tức (bởi một người khác) cho bên còn lại.

To the person receiving this motion:

Gửi đến người đang nhận đơn kiến nghị này:

If you do not agree with the requests in this motion, file a statement (using form FL All Family 135, *Declaration*) explaining why the court should not approve those requests. You may file other written proof supporting your side, and propose your own *Parenting Plan* or *Child Support Worksheets*.

Nếu quý vị không đồng ý với các yêu cầu trong đơn kiến nghị này, hãy nộp một bản trình bày (dùng mẫu FL Tất cả gia đình 135, *Khai Báo*) giải thích lý do vì sao tòa án không nên chấp thuận các yêu cầu đó. Quý vị có thể nộp bằng chứng bằng văn bản về cấp dưỡng bên quý vị và đề xuất Kế Hoạch Nuôi Dưỡng Con hoặc Các Bảng Tính Cấp Dưỡng Con của riêng quý vị.

If the court grants an *Immediate Restraining Order* without notice to you, you can file a motion to change or terminate it before the hearing date. (Civil Rule 65(b).) There is no pattern form for that motion.

Nếu tòa án ban hành Lệnh Cấm Ngay Lập Tức mà không thông báo cho quý vị, quý vị có thể nộp đơn yêu cầu thay đổi hoặc chấm dứt lệnh này trước ngày phiên xét xử. (Luật Dân Sự 65(b).) Không có dạng mẫu đơn nào cho kiến nghị đó.

1. I am the (check one): Petitioner. Respondent. I am asking for an *Immediate Restraining Order* against my spouse/domestic partner.

Tôi là (đánh dấu một mục): Nguyên Đơn. Bị Đơn. Tôi sẽ yêu cầu một Lệnh Cấm Ngay Lập Tức đối với vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi.

- I want my children under 18 to be protected by the order:
Tôi muốn các con tôi dưới 18 tuổi được bảo vệ theo lệnh:

Child's name Tên con	Age Tuổi	Child's name Tên con	Age Tuổi
1.		2.	

4. Court hearing request
Yêu cầu phiên tòa

I ask the court to approve an *Immediate Restraining Order* now, and hold a hearing within 14 days to consider all of my requests for temporary orders listed below. I will have my spouse/domestic partner served with notice of the hearing so the court can hear their side.

Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận một Lệnh Cấm Ngay Lập Tức và tiến hành một phiên xét xử trong vòng 14 ngày để xem xét tất cả yêu cầu về các lệnh tạm thời của tôi được liệt kê dưới đây. Tôi sẽ nhờ vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi tổng đạt thông báo về phiên xét xử để tòa án có thể xét xử từ phía bên họ.

[] Other: _____
Khác:

5. Active duty military
Quân nhân tại ngũ

(The **federal** Servicemembers Civil Relief Act covers:

Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của **liên bang** bao gồm:

- Army, Navy, Air Force, Marine Corps, and Coast Guard members on active duty;
Các thành viên Lục Quân, Hải Quân, Không Quân, Thủy Quân Lục Chiến và Tuần Duyên đang tại ngũ;
- National Guard or Reserve members under a call to active service for more than 30 days in a row; and
Các thành viên thuộc Lực Lượng Vệ Binh Quốc Gia hoặc Lực Lượng Dự Bị được kêu gọi phục vụ tại ngũ hơn 30 ngày liên tiếp; và
- commissioned corps of the Public Health Service and NOAA.
quân đoàn được ủy quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Công Cộng và NOAA.

The **state** Servicemembers' Civil Relief Act covers those service members listed above who are either stationed in or residents of Washington state, and their dependents, except for the commissioned corps of the Public Health Service and NOAA.)

Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của **tiểu bang** bảo vệ các thành viên đang tại ngũ đó được liệt kê trên đây đang đóng quân tại hoặc là cư dân của tiểu bang Washington và những người phụ thuộc của họ, ngoại trừ quân đoàn được ủy quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Công Cộng và NOAA.)

[] My spouse/domestic partner is **not** covered by the state or federal Service Members' Civil Relief Acts.

*Vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi **không** được bảo vệ theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của tiểu bang hoặc liên bang.*

[] My spouse/domestic partner is covered by the [] state [] federal Service Members' Civil Relief Act.

Vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi được bảo vệ theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của [] tiểu bang [] liên bang.

[] *For persons covered only by the **state** act – Military duty may keep the service member or dependent from responding or coming to the hearing on this motion. I ask the court to approve temporary orders even if the covered person asks for a stay or doesn't respond. It would be very unfair (a manifest injustice) not to make temporary orders now because: _____*

Đối với những người chỉ được bảo vệ theo đạo luật **tiểu bang** – Nghĩa vụ quân sự có thể khiến thành viên hoặc người phụ thuộc không thể phản hồi hoặc đến phiên xét xử theo kiến nghị này. Tôi yêu cầu tòa án chấp thuận các lệnh tạm thời cho dù người được bảo hiểm yêu cầu ở lại hoặc không phản hồi. Sẽ rất không công bằng (một sự bất công rõ ràng) nếu không đưa ra các lệnh tạm thời ngay lúc này bởi vì:

➤ **I ask the Court to approve these orders immediately (check all that apply):**
Tôi yêu cầu Tòa Án chấp thuận các lệnh này ngay lập tức (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

6. Do not disturb
Không làm phiền

- No request.
Không yêu cầu.
- Order my spouse/domestic partner not to disturb my peace or the peace of any child listed in **1**.
Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi không làm phiền sự yên bình của tôi hoặc sự yên bình của bất kỳ đứa con nào được liệt kê ở 1.

7. Stay away
Tránh xa

- No request.
Không yêu cầu.
- Order my spouse/domestic partner not to go onto the grounds of or enter my home, workplace, vehicle, or school, and the daycare or school of any child listed in **1**.
Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi không đi vào khuôn viên hoặc vào nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ đứa con nào được liệt kê ở 1.
- Also, not knowingly to go or stay within _____ feet of my home, workplace, school, or vehicle, or the daycare or school of any child listed in **1**.
Ngoài ra, không cố ý đi vào hoặc ở trong phạm vi [-] feet từ nhà, nơi làm việc, xe cộ hoặc trường học của tôi hoặc nhà trẻ hay trường học của bất kỳ đứa con nào được liệt kê trong 1.

My spouse/domestic partner and I (check one): live together. do not live together.

Vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi và tôi (đánh dấu một ô): [-] sống chung với nhau. [-] không sống chung với nhau.

8. Do not hurt or threaten
Không làm tổn thương hoặc đe dọa

- No request.
Không yêu cầu.
- Order my spouse/domestic partner not to:
- Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi không:*
- Assault, harass, stalk, or molest me or any child listed in **1**; or

Tấn công, quấy rối, lén theo hoặc làm phiền tôi hoặc bất kỳ đứa con nào được liệt kê ở 1; và

- Use, try to use, or threaten to use physical force against me or the children that would reasonably be expected to cause bodily injury.
Sử dụng, cố sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực đối với tôi hoặc các con có khả năng gây tổn thương cơ thể một cách hợp lý.

Warning! If the court extends this order after a full hearing, the court must consider if weapons restrictions are required by state law; federal law may also prohibit the Restrained Person from possessing firearms or ammunition.

Cảnh Báo! Nếu tòa án gia hạn lệnh này sau một phiên xét xử đầy đủ, tòa án phải xem xét liệu luật tiểu bang có yêu cầu ngăn cấm vũ khí hay không; luật liên bang cũng có thể cấm Người Bị Ngăn Cấm sở hữu súng hoặc đạn dược.

9. Surrender weapons

Giao nộp vũ khí

- No request.
Không yêu cầu.
- Order my spouse/domestic partner to immediately surrender any firearms, other dangerous weapons, and any concealed pistol licenses that they have in their custody, control, or possession to (check one): the police chief or sheriff. their lawyer. (name): _____
Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi giao nộp ngay lập tức bất kỳ loại súng, vũ khí nguy hiểm nào khác và bất kỳ giấy phép sử dụng súng được giấu kín nào mà họ đang quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu cho (đánh dấu một mục): [-] đội trưởng cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng. [-] luật sư của họ. [-] (tên):

10. Care and safety of children until the hearing

Chăm sóc và an toàn cho các con cho đến phiên xét xử

- No request.
Không yêu cầu.
- Order my spouse/domestic partner not to take the children listed in 1 out of Washington State.
Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi không được đưa các con được liệt kê ở 1 ra khỏi Tiểu Bang Washington.
- Order that the children listed in 1 will live with (check one): me my spouse/ domestic partner until the hearing.
Lệnh rằng các con được liệt kê ở 1 sẽ sống với (đánh dấu một mục): [] tôi [] vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi cho đến phiên xét xử.
- Other (specify): _____
Khác (nếu rõ):

11. Protect property

Bảo vệ tài sản

- No request.
Không yêu cầu.
- Order (check one): my spouse/domestic partner both parties not to move, take, hide, damage, borrow against, sell or try to sell, or get rid of any property,

unless it is a usual business practice or to pay for basic necessities. (If the court makes this order, both spouses/domestic partners must notify each other about any expenses that are out of the ordinary.)

Lệnh cho (đánh dấu một ô): [-] vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi [-] cả hai bên không được di chuyển, lấy, giấu, làm hư hỏng, mượn, bán hoặc cố bán, hoặc vứt bỏ bất kỳ tài sản nào, trừ khi đó là thông lệ kinh doanh bình thường hoặc để chi trả cho các nhu cầu cơ bản. (Nếu tòa án đưa ra lệnh này, cả hai vợ chồng/bạn tình sống chung phải thông báo cho nhau về bất kỳ chi phí nào khác thường.)

12. Do not change insurance
Không thay đổi bảo hiểm

No request.
Không yêu cầu.

Order (*check one*): my spouse/domestic partner both parties not to make changes to any medical, health, life, or auto insurance policy that covers either spouse/domestic partner or any child listed in **1**. That means they must not transfer, cancel, borrow against, let expire, or change the beneficiary of any policy.

*Lệnh cho (đánh dấu một mục): [-] vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi [-] cả hai bên không được thực hiện các thay đổi về bất kỳ hợp đồng bảo hiểm y tế, sức khỏe, nhân thọ hoặc ô tô nào bao trả cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung hoặc bất kỳ đứa con nào được liệt kê ở **1**. Việc đó có nghĩa là họ không được chuyển giao, hủy bỏ, vay mượn, cho phép hết hạn hoặc thay đổi người thụ hưởng bất kỳ hợp đồng nào.*

13. Other immediate orders
Các lệnh ngay lập tức khác

No request.
Không yêu cầu.

(Specify): _____
(Nếu rõ):

➤ ***I ask the court to approve these temporary orders at the hearing to stay in effect until the case is done (check all that apply):***

Tôi yêu cầu Tòa Án chấp thuận các lệnh tạm thời này tại phiên xét xử để có hiệu lực cho đến khi vụ án được giải quyết (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

14. Extend immediate orders
Gia hạn các lệnh ngay lập tức

Extend the immediate orders I asked for above to stay in effect until the case is done.
Gia hạn các lệnh ngay lập tức mà tôi đã yêu cầu trên đây có hiệu lực cho đến khi vụ án được giải quyết.

15. Prohibit weapons and order surrender
Nghiêm cấm vũ khí và ra lệnh giao nộp

No request.
Không yêu cầu.

Order my spouse/domestic partner:
Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi:

- Not to access, possess, have in their custody or control, purchase, receive, or attempt to purchase or receive firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses until the Order ends, and to
Không tiếp cận, sở hữu, quản lý hoặc kiểm soát, mua, nhận hoặc cố mua hay nhận súng, vũ khí nguy hiểm khác hoặc giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín cho đến khi Lệnh chấm dứt, và
- Immediately surrender any firearms, other dangerous weapons, or concealed pistol licenses that they have in their custody, control, or possession to (*check one*): the police chief or county sheriff. their lawyer. other person (*name*): _____
Giao nộp ngay lập tức bất kỳ loại súng, vũ khí nguy hiểm nào khác và bất kỳ giấy phép sử dụng súng lục được giấu kín nào mà họ quản lý, kiểm soát hoặc sở hữu cho (đánh dấu một mục): [-] đội trưởng cảnh sát hoặc cảnh sát trưởng [-] luật sư của họ [-] người khác (tên):

16. Care and safety of children (check all that apply):

Chăm sóc và an toàn cho các con (đánh dấu tất cả mục thích hợp):

- No request.
Không yêu cầu.
- Approve the parenting plan proposed by me my spouse/domestic partner.
Chấp thuận kế hoạch nuôi dưỡng con được đề xuất bởi [-] tôi [-] vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi.
- Order my spouse/domestic partner not to take the children listed in **1** out of Washington State.
*Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi không được đưa các con được liệt kê ở **1** ra khỏi Tiểu Bang Washington.*
- Appoint a person to investigate and report to the court about what is in the children's best interest, and order who will pay this person's fees. This person should be a/n (*check one*):
Chỉ định một người để điều tra và báo cáo với tòa án về những gì có lợi nhất cho các con và lệnh cho ai sẽ chi trả phí của người này. Người này sẽ là a/n (đánh dấu một mục):
 - Guardian ad Litem (GAL) or Evaluator/Investigator as chosen by the court.
Người Giám Hộ Tạm Thời Do Tòa Án Chỉ Định (GAL) hoặc Chuyên Gia Đánh Giá/Điều Tra Viên do tòa án lựa chọn.
 - Guardian ad Litem (GAL).
Người Giám Hộ Tạm Thời Do Tòa Án Chỉ Định (GAL).
 - Evaluator/Investigator.
Chuyên Gia Đánh Giá/Điều Tra Viên.
 - (*Name*): _____
(Tên):
- Other: _____
Khác:

17. Provide support

Cung cấp cấp dưỡng

- No request.
Không yêu cầu.
- Order child support according to the *Washington State Child Support Schedule*.
Lệnh cấp dưỡng con theo Lịch Trình Cấp Dưỡng Con Của Tiểu Bang Washington.
- Order (*check one*): me my spouse/domestic partner to pay spousal support (maintenance/alimony) in the amount of: \$_____ every month until (*date or event*):_____.
- Lệnh cho (đánh dấu một mục): [-] tôi [-] vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi chi trả cấp dưỡng vợ/chồng (tiền chu cấp/cấp dưỡng cho vợ sau ly hôn) trong số tiền là: \$ _____ mỗi tháng cho đến khi (ngày hoặc sự kiện):*

18. Family home
Nhà gia đình

- No request.
Không yêu cầu.
- Stay in the home**
Ở trong nhà
- I want continue living in the family home.
Tôi muốn tiếp tục sống trong nhà gia đình.
- My spouse/domestic partner may continue living in the family home.
Vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi có thể tiếp tục sống trong nhà gia đình.
- Move out**
Dọn ra
- Order my spouse/domestic partner to move out of the family home by (*date*):_____
- Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi dọn ra khỏi nhà gia đình trước (ngày):*

19. Use of property
Sử dụng tài sản

- No request.
Không yêu cầu.
- Order that I can possess and use (*specify*):
Lệnh rằng tôi có thể sở hữu và sử dụng (nếu rõ):
- property in my possession now.
tài sản thuộc quyền sở hữu của tôi ngay bây giờ.
- vehicle(s): _____
(các) xe cộ:
- other: _____
khác:
- Order that my spouse/domestic partner can possess and use (*specify*):
Lệnh rằng vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi có thể sở hữu và sử dụng (nếu rõ):

property in their possession now.
tài sản thuộc quyền sở hữu của họ ngay bây giờ.

vehicle(s): _____
(các) xe cộ:

other: _____
khác:

20. Household expenses
Chi phí hộ gia đình

No request.
Không yêu cầu.

Order household expenses to be paid as follows:
Yêu cầu trả chi phí hộ gia đình như sau:

Expense <i>Chi phí</i>	Who should pay <i>Ai phải chi trả</i>
<input type="checkbox"/> First Mortgage <i>Khoản Thế Chấp Thứ Nhất</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Second Mortgage/Line of Credit <i>Khoản Thế Chấp/Hạn Mức Tín Dụng Thứ Hai</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Rent or lease payment <i>Tiền thuê hoặc khoản chi trả tiền thuê</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Utilities <i>Chi phí hiệu dụng</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Homeowner's Insurance <i>Bảo Hiểm Chủ Nhà</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Property Taxes <i>Thuế Tài Sản</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Vehicle (specify): <i>Xe Cộ (nếu rõ):</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Vehicle (specify): <i>Xe Cộ (nếu rõ):</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Child Care <i>Giữ Trẻ</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>
<input type="checkbox"/> Other: <i>Khác:</i>	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent <i>Nguyên Đơn Bị Đơn</i>

21. Divide debts
Phân chia các khoản nợ

No request.
Không yêu cầu.

Order my spouse/domestic partner and me to:
Lệnh cho tôi và vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi:

- Each be responsible for their own future debts, including debt from credit cards, loans, security interest, and mortgages.

Mỗi người phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ trong tương lai của mình, bao gồm nợ từ thẻ tín dụng, khoản vay, lãi bảo đảm và thế chấp.

- Divide our debts as follows (*list debts and who will pay each one*):
Phân chia các khoản nợ của chúng tôi như sau (liệt kê các khoản nợ và ai sẽ chi trả cho mỗi khoản nợ):

Debt (describe) Khoản nợ (mô tả)	Who should pay Ai phải chi trả
1.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
2.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
3.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
4.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
5.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
6.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn

22. Pay for insurance
Chi trả cho bảo hiểm

- No request.
Không yêu cầu.

- Pay insurance premiums as follows (*list policies and who should pay each one*):
Chi trả phí bảo hiểm như sau (liệt kê các hợp đồng và ai phải chi trả mỗi hợp đồng):

Policy (describe) Hợp đồng (mô tả)	Who should pay Ai phải chi trả
1.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
2.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn
3.	<input type="checkbox"/> Petitioner <input type="checkbox"/> Respondent Nguyên Đơn Bị Đơn

23. Pay fees and costs
Chi trả phí và chi phí

- No request.
Không yêu cầu.

- Order my spouse/domestic partner to:

Lệnh cho vợ hoặc chồng/bạn tình sống chung của tôi:

[] Pay my lawyer's fees for this case. Amount: \$ _____
Chi trả phí luật sư cho vụ án này. Số tiền: \$

Make payments to (name): _____
Thực hiện các khoản chi trả cho (tên):

[] Pay other professional fees and costs for this case. Amount: \$ _____
Chi trả phí và chi phí chuyên môn khác cho vụ án này. Số tiền: \$

to (name): _____
cho (tên):

for (purpose): _____
vì (mục đích):

24. Other temporary orders
Các lệnh tạm thời khác

[] No request.
Không yêu cầu.

[] (Specify): _____
(Nếu rõ):

➤ **Reasons for my requests:**
Lý do yêu cầu của tôi:

25. Why are you asking the court for the orders you checked above? (Explain):
Vì sao quý vị sẽ yêu cầu tòa án cấp các lệnh mà quý vị đã đánh dấu trên đây? (Giải thích):

- If you need additional space use the *Declaration* form FL All Family 135.
(Nếu quý vị cần thêm chỗ trống, hãy sử dụng mẫu Khai Báo FL Tất Cả Gia Đình 135.)
- If you are asking for a parenting plan, also fill out the *Information for Temporary Parenting Plan*, form FL All Family 139, and a proposed *Parenting Plan*, form FL All Family 140.
Nếu quý vị đang yêu cầu một kế hoạch nuôi dưỡng con, hãy điền vào mẫu Thông Tin về Kế Hoạch Nuôi Dưỡng Con Tạm Thời, mẫu đơn FL Tất cả gia đình 139, và một Kế Hoạch Nuôi Dưỡng Con được đề xuất, mẫu đơn FL Tất cả gia đình 140.
- If you are asking for child support, also fill out the *Child Support Worksheets*. If you have received public assistance for any child in this case, also fill out the *Public Assistance Declaration*, form FL All Family 132.
Nếu quý vị đang yêu cầu cấp dưỡng con, cũng điền vào Các Bảng Tính Cấp Dưỡng Con. Nếu quý vị đã nhận được trợ cấp công cộng cho bất kỳ đứa con nào trong vụ án này, hãy điền vào Khai Báo Trợ Cấp Công Cộng, mẫu đơn FL Tất cả gia đình 132.
- If you are asking for any order involving money (including child support), also fill out the *Financial Declaration*, form FL All Family 131, and file the required financial records.
Nếu quý vị đang yêu cầu bất kỳ lệnh nào liên quan đến tiền bạc (bao gồm cấp dưỡng con), cũng điền vào Bảng kê Khai Tài Chánh, mẫu đơn FL Tất cả gia đình 131 và nộp các hồ sơ tài chánh được yêu cầu.
- If you are asking to prohibit weapons or order surrender, give your reasons at the end of this section.

[] (Name): _____'s possession of firearm presents a serious and imminent threat (harm that may happen immediately) to public health or safety, or to the health or safety of any individual. (Describe):
(Tên): _____ việc sở hữu súng gây ra mối đe dọa nghiêm trọng và sắp xảy ra (tổn hại có thể xảy ra ngay lập tức) đối với sức khỏe hoặc sự an toàn của cộng đồng hoặc đối với sức khỏe hoặc sự an toàn của bất kỳ cá nhân nào. (Mô tả):

Person asking for this order fills out below:
Người đang yêu cầu lệnh này điền vào dưới đây:

I declare under penalty of perjury under the laws of the State of Washington that the facts I have provided on this form are true.

Tôi cam đoan dưới hình phạt khai man theo luật lệ của Tiểu Bang Washington rằng các thông tin tôi đã cung cấp trong đơn này đều đúng sự thật.

Signed at (city and state): _____ Date: _____
Đã ký tại (thành phố và tiểu bang): _____ Ngày: _____

Person asking for this order signs here
Người đang yêu cầu lệnh này ký ở đây

Print name here
Tên viết in ở đây

I agree to accept legal papers for this case at (check one):
Tôi đồng ý nhận giấy tờ pháp lý cho vụ án này tại (đánh dấu một mục):

- [] my lawyer's address, listed below.
địa chỉ luật sư của tôi, được liệt kê dưới đây:
- [] the following address (this does **not** have to be your home address):
địa chỉ dưới đây (địa chỉ này **không** phải là địa chỉ nhà quý vị):

Street Address or PO Box	City	State	Zip
Địa Chỉ Đường hoặc PO Box	Thành Phố	Tiểu Bang	Mã Vùng

[] Email: _____
Email: _____

(If this address changes before the case ends, you **must** notify all parties and the court clerk in writing. You may use the Notice of Address Change form (FL All Family 120). You must also update your Confidential Information form (FL All Family 001) if this case involves parentage or child support.)

(Nếu địa chỉ này thay đổi trước khi vụ án chấm dứt, quý vị **phải** thông báo cho tất cả các bên và lục sự tòa án bằng văn bản. Quý vị có thể sử dụng mẫu đơn Thông Báo Thay Đổi Địa Chỉ (FL Tất cả gia đình 120). Quý vị cũng phải cập nhật Mẫu Đơn Thông Tin Bảo Mật của mình (FL Tất cả gia đình 001) nếu vụ án liên quan đến phần trăm hoặc cấp dưỡng con.

Lawyer (if any) fills out below:
Luật sư (nếu có) điền vào dưới đây:



Lawyer signs here
Luật sư ký ở đây

Print name and WSBA No.
Tên viết in và WSBA Số

Date
Ngày

Lawyer's Street Address or PO Box
Địa Chỉ Đường hoặc PO Box của Luật Sư

City
Thành Phố

State
Tiểu Bang

Zip
Mã Vùng

Email (if applicable): _____

Email (nếu có):

Warning! Documents filed with the court are available for anyone to see unless they are sealed. Financial, medical, and confidential reports, as described in General Rule 22, **must** be sealed so they can only be seen by the court, the other party, and the lawyers in your case. Seal those documents by filing them separately, using a *Sealed* cover sheet (form FL All Family 011, 012, or 013). You may ask for an order to seal other documents.

Cảnh Báo! Mọi người đều có thể xem các tài liệu nộp cho tòa án hiện có trừ khi các tài liệu này được niêm phong. Các báo cáo tài chính, y tế và bảo mật, như được mô tả trong Quy Tắc Chung 22, **phải** được niêm phong để chỉ tòa án, bên còn lại và luật sư trong vụ án của quý vị mới có thể xem các báo cáo này. Niêm phong các tài liệu đó bằng cách lưu trữ chúng riêng biệt, sử dụng một tờ bìa được có Niêm Phong (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 011, 012 hoặc 013). Quý vị có thể yêu cầu một lệnh để niêm phong các tài liệu khác.